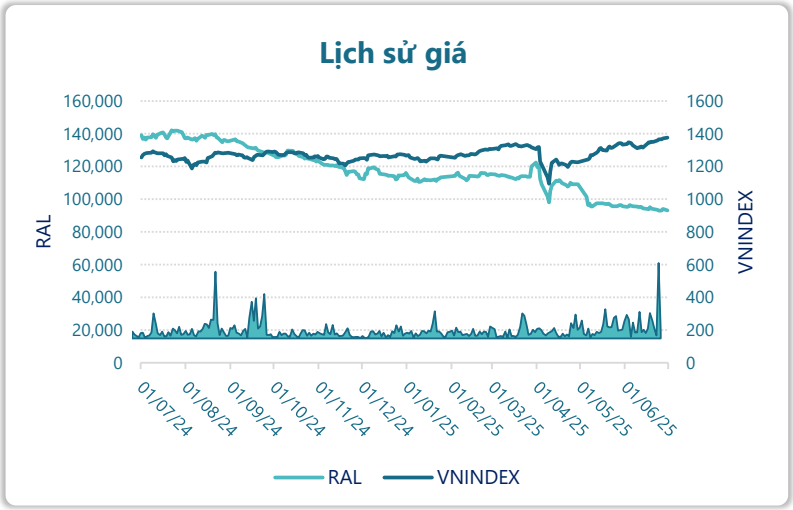
FireAnt

CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (HSX: RAL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**95,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	142,114
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	93,023
SL cổ phiếu LH	23,547,419
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,640
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,251
P/E	5.2
EPS	18,264

DT thuần

Q2/25

1,190

tỷ VNĐ

QoQ: ▼338| -22.1%

YoY: ▼929| -43.9%

LN sau thuế

Q2/25

69.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.2| -30.9%

YoY: ▼67.2| -49.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

6T 2025

2,717

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,233| -45.1%

LN sau thuế

6T 2025

171

tỷ VNĐ

YoY: ▼161| -48.6%

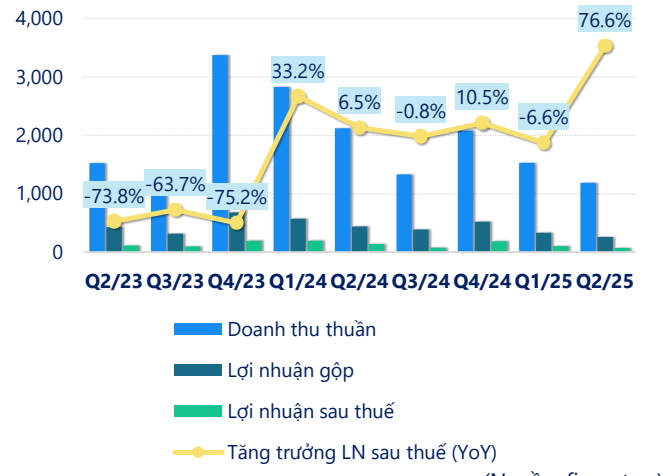
ROE

Q2/25

13.5%

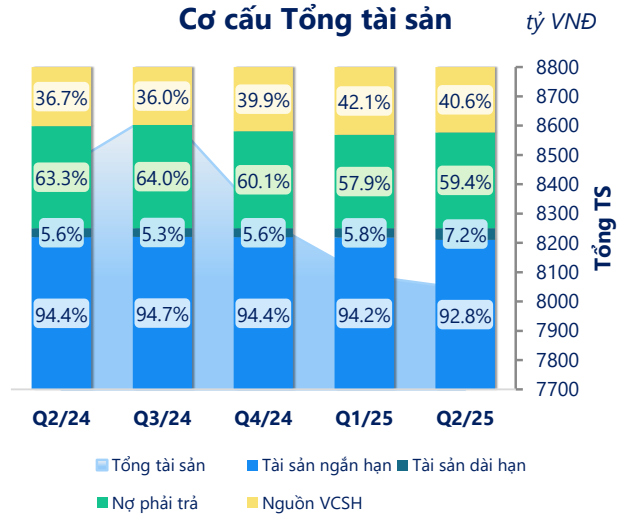
+/- YoY: ▼ 7.8%

Kết quả kinh doanh



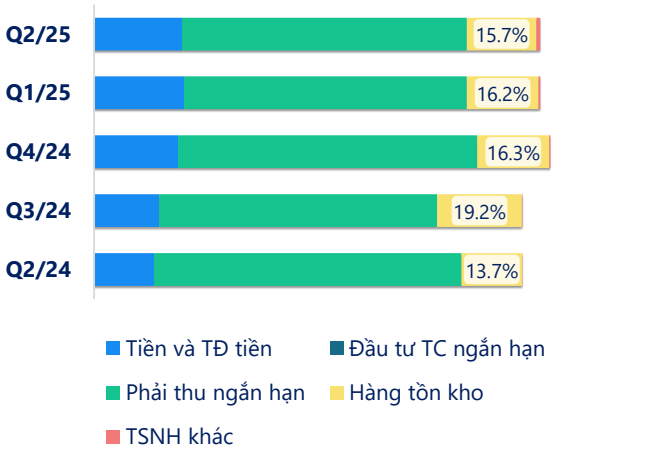
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



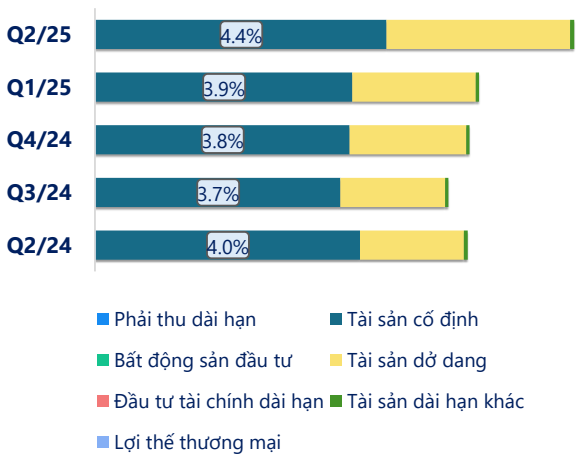
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



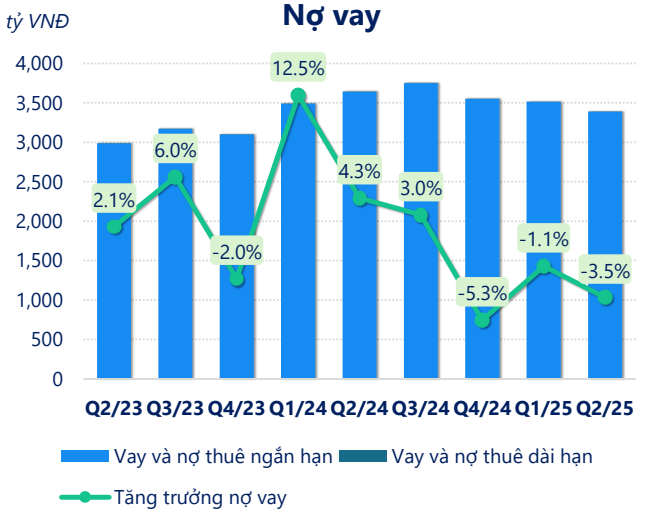
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



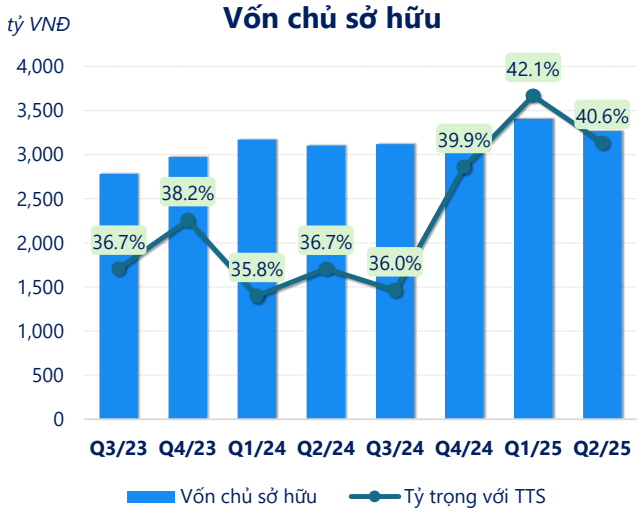
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



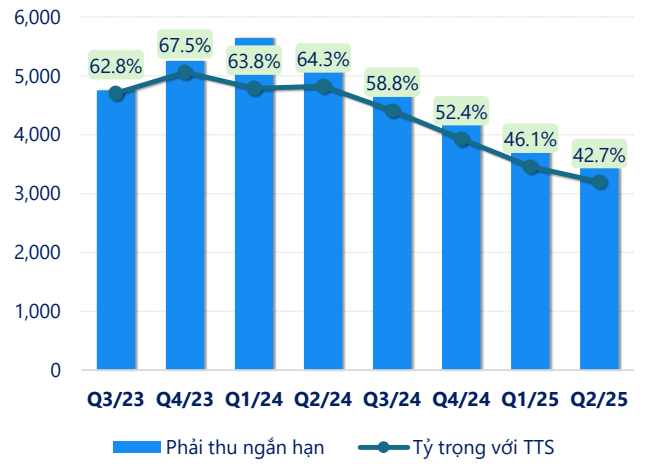
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



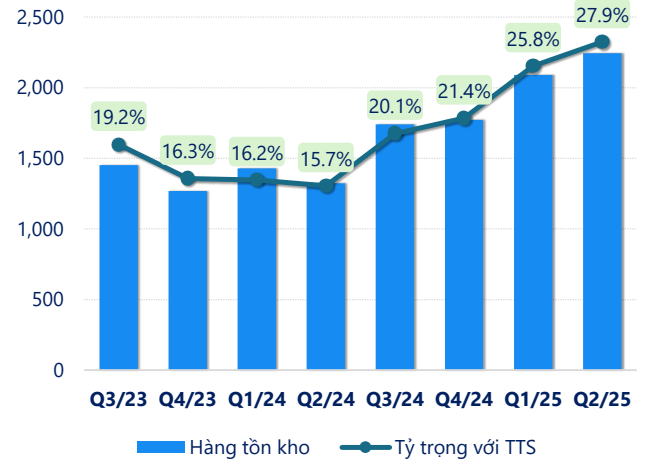
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



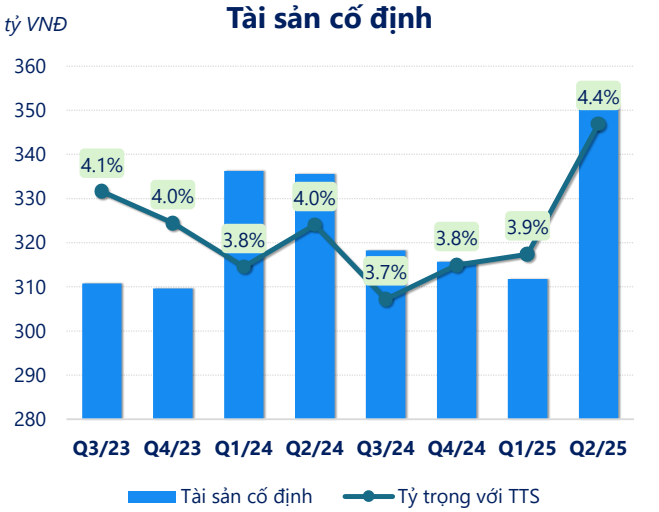
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



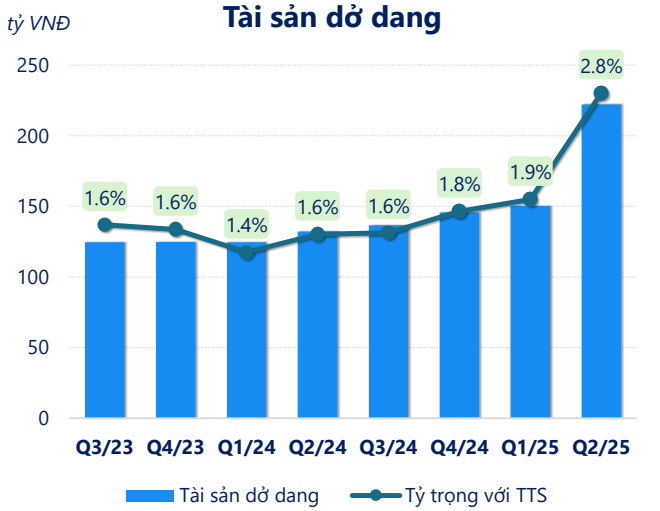
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



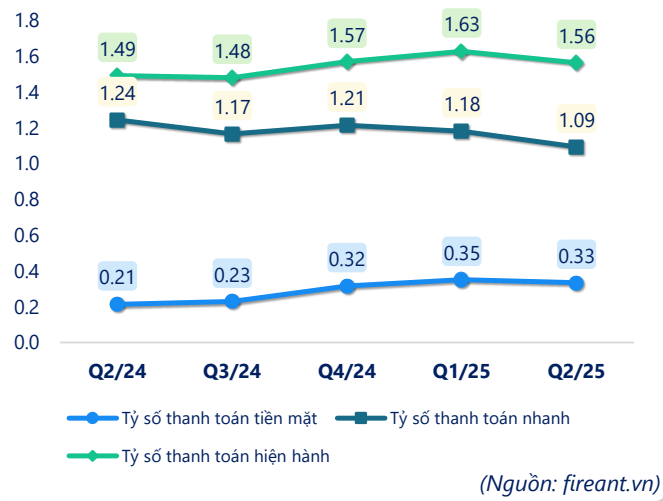
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



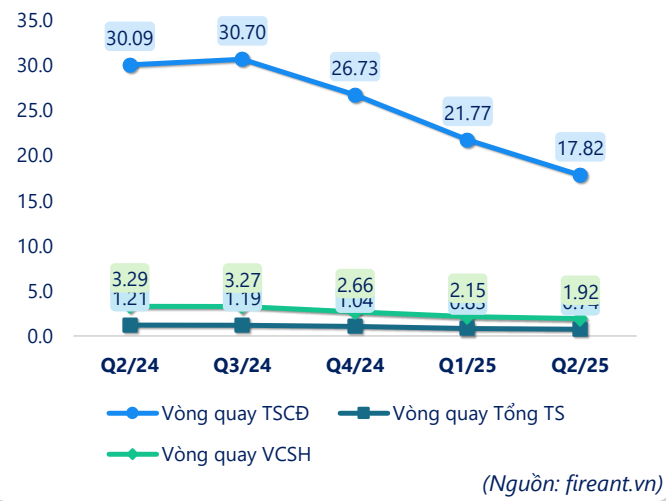
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**8,451**	**8,658**	**8,281**	**8,089**	**8,043**
Tài sản ngắn hạn	**7,977**	**8,198**	**7,815**	**7,622**	**7,463**
Tiền và tương đương tiền	1,141	1,268	1,573	1,645	1,596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	5,435	5,092	4,337	3,730	3,430
Hàng tồn kho	1,324	1,741	1,773	2,090	2,243
Tài sản ngắn hạn khác	77.9	97.5	133	157	193
Tài sản dài hạn	**474**	**460**	**467**	**468**	**580**
Phải thu dài hạn	1.34	1.39	1.39	1.34	1.29
Tài sản cố định	336	318	316	312	352
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	132	137	146	150	222
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.90	4.31	4.08	4.13	4.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,350**	**5,539**	**4,980**	**4,685**	**4,776**
Nợ ngắn hạn	**5,349**	**5,538**	**4,979**	**4,684**	**4,775**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,641	3,750	3,549	3,511	3,387
Phải trả người bán ngắn hạn	894	1,027	671	568	545
Nợ dài hạn	0.84	0.84	0.84	0.84	0.84
Vay và nợ thuê dài hạn	0.84	0.84	0.84	0.84	0.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,101**	**3,119**	**3,302**	**3,404**	**3,267**
Vốn chủ sở hữu	**3,101**	**3,119**	**3,302**	**3,404**	**3,267**
Vốn điều lệ	235	235	235	235	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)